

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai bổ sung dự toán năm 2023

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 300/QĐ-PGD ngày 11/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán bổ sung chi các chế độ học sinh 4 tháng cuối năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT TH Mường Anh;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 của trường PTDTBT TH Mường Anh (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán trường PTDTBT TH Mường Anh, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT
- Website THMA
- Lưu KT, VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Vũ Xuân Tiên**

Đơn vị: Trường PTDTBT TH Mường Anh  
Số: 622

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư  
số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm  
2018 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 30 /QĐ-TH ngày 24/10/2023 của trường PTDTBT TH Mường Anh)  
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp .....	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>547,927</b>
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	547,927
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	547,927
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	